

CHƯƠNG II: HÀNG HOÁ, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

TS. Phạm Mỹ Duyên- UEL

NỘI DUNG

- I. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HOÁ
- II. THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

I. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HOÁ

1. Sản xuất hàng hoá

- a. Khái niệm
- b. Điều kiện ra đời

2. Hàng hoá

- a. Khái niệm
- b. Thuộc tính của hàng hoá
- c. Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị
- d. Tính chất hai mặt của sản xuất hàng hoá

3. Tiền (đọc)

4. Dịch vụ và một số hàng hoá đặc biệt (đọc)

II. THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường
 - a. Khái niệm thị trường
 - b. Vai trò thị trường
 - c. Cơ chế thị trường
 - d. Nền kinh tế thị trường
 - e. Các quy luật chủ yếu của thị trường
2. Vai trò của các chủ thể tham gia thị trường (đọc)
 - a. Người sản xuất
 - b. Người tiêu dùng
 - c. Các chủ thể trung gian
 - d. Nhà nước

I. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HOÁ

1. Sản xuất hàng hoá

a. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa

Sản xuất tự cung, tự cấp

Sản xuất hàng hóa

ĐN: là sản xuất ra sản phẩm để phục vụ nhu cầu cho bản thân và gia đình người sản xuất

ĐN: là sản xuất ra sản phẩm để trao đổi, mua bán, toàn bộ quá trình sản xuất đều gắn với thị trường

Mục đích: Giá trị sử dụng

Mục đích: Giá trị

Người tiêu dùng: người sản xuất

Người tiêu dùng: XH

Nguyên nhân: Trình độ LLSX thấp kém, không đủ SP dư thừa

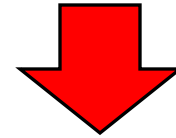
Nguyên nhân: LLSX phát triển, SP dư thừa



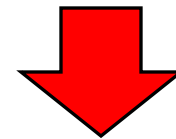
Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa

Phân công lao động xã hội

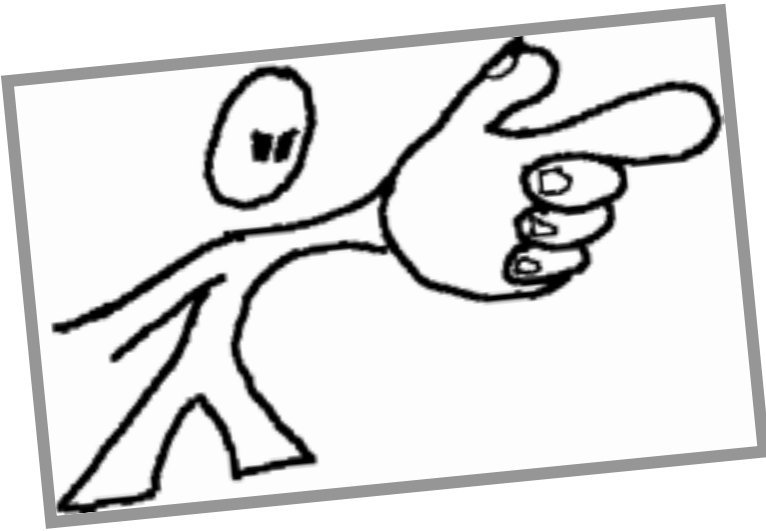
Là quá trình phân chia
lao động XH thành
những ngành nghề
khác nhau



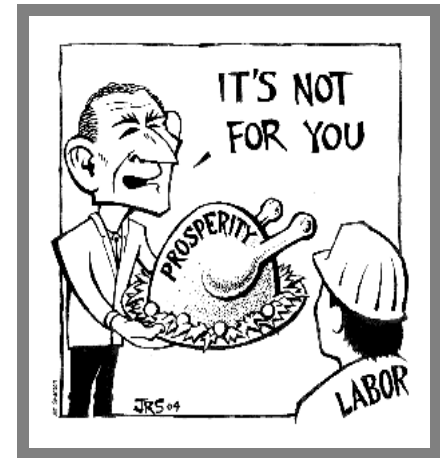
PCLĐXH sẽ thúc đẩy
quá trình **chuyên
môn hóa sản xuất**



Nhu cầu trao đổi hàng
hóa



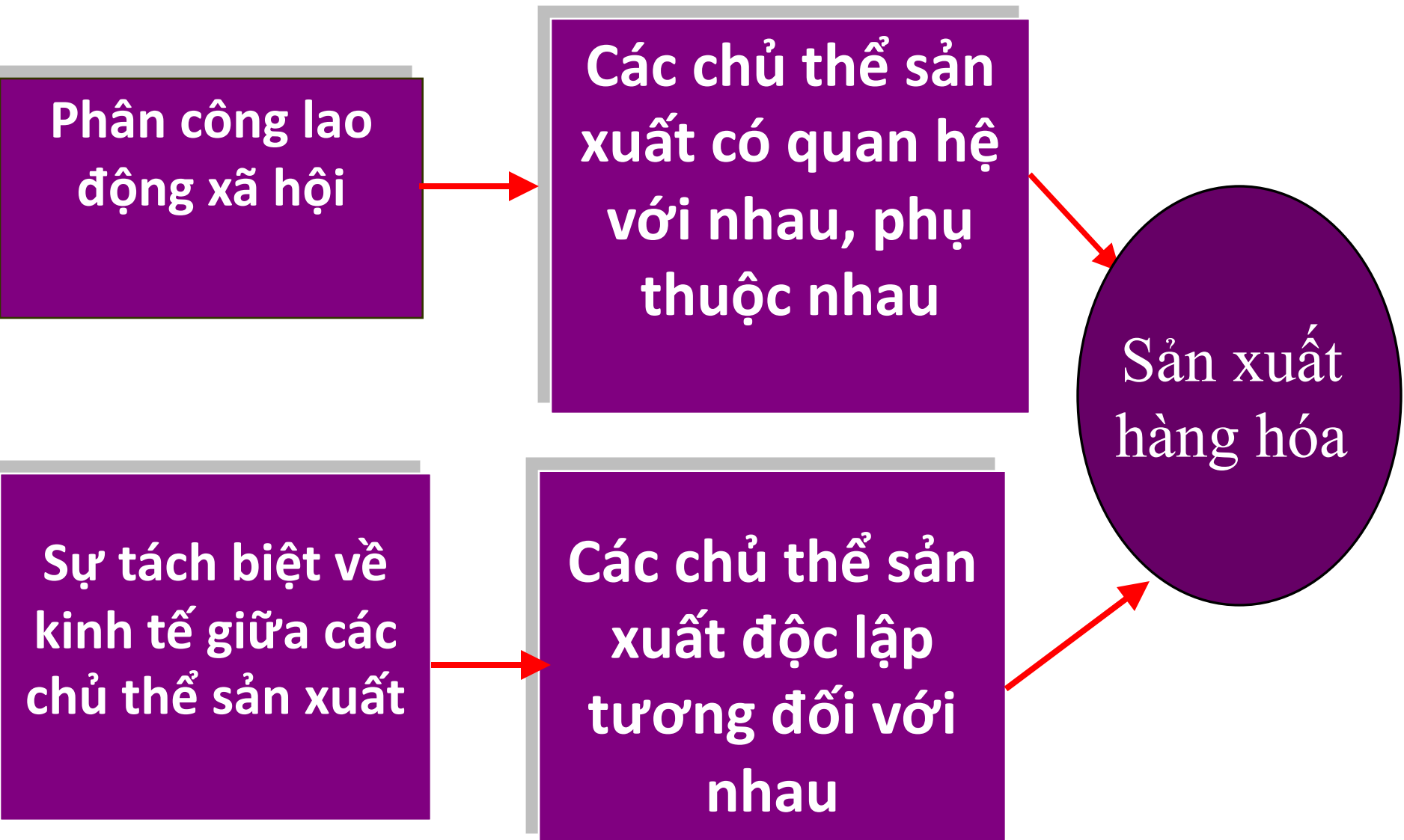
IT'S MINE



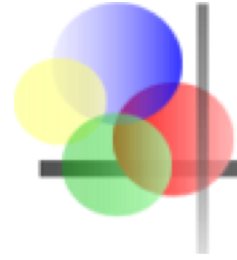
So huu tu nhan ve TLSX

Sự tách biệt về kinh
tế giữa các chủ thể
sản xuất

b. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá



2. HÀNG HOÁ



a. Định nghĩa

Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán



b. Hai thuộc tính của hàng hoá





c. Giá trị của hàng hoá

❖ **Giá trị trao đổi của hàng hoá:** là **quan hệ tỷ lệ về lượng** mà giá trị sử dụng của hàng hoá này có thể trao đổi với giá trị sử dụng của hàng hoá khác.

☞ **Cơ sở để tiến hành trao đổi:** đều là sản phẩm do quá trình lao động tạo ra.

☞ **Giá trị của hàng hoá:** là **lao động của người sản xuất hàng hoá** kết tinh trong hàng hoá (1).

❖ Kết luận 1:

☞ **Giá trị của hàng hoá: là lao động của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá. (1)**

C. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

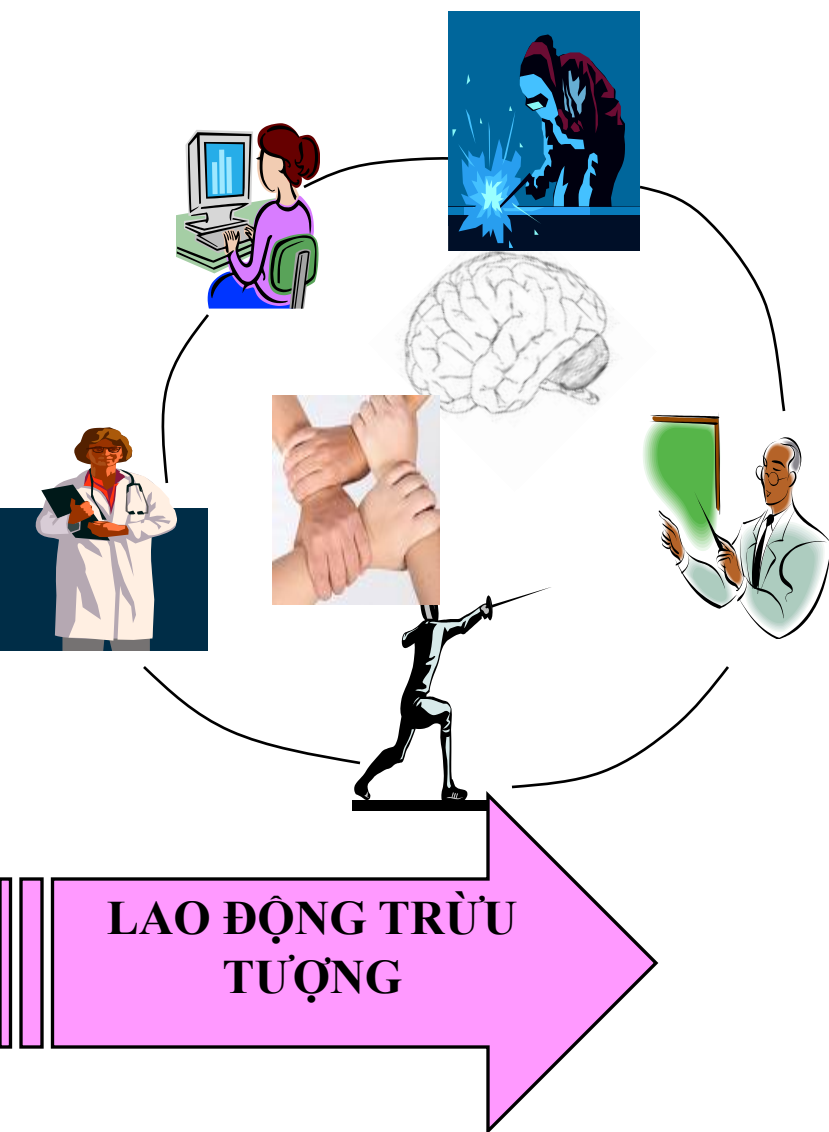
Lao động có ích dưới thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định → hợp thành hệ thống PCLĐXH



Có mục đích, phương pháp, công cụ lao động, đối tượng lao động, kết quả lao động riêng.

Mỗi lao động cụ thể tạo ra một GTSD.

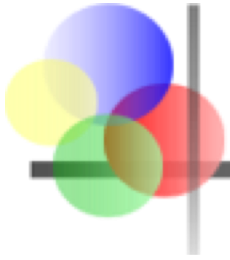
Phạm trù vĩnh viễn



Hao phí về *sức cơ bắp, thần kinh* của người sản xuất hàng hoá.

Phạm trù lịch sử

LĐTT tạo ra giá trị của hàng hoá



❖ Kết luận 2:

**Giá trị của hàng hoá: là lao động
trừu tượng** của người sản xuất hàng
hoá kết tinh trong đó (2)



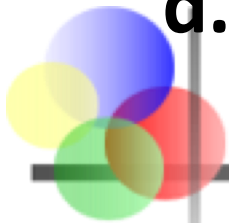
❖ Ý nghĩa của tính chất 2 mặt của lao động

☞ Tính chất hai mặt của sản xuất hàng hoá phản ánh tính chất tự nhân và tính chất xã hội của người sản xuất hàng hoá.

+ Lao động cụ thể → Lao động tư nhân

+ Lao động trừu tượng → Lao động xã hội

☞ Mâu thuẫn giữa Lao động tư nhân- Lao động xã hội là mâu thuẫn cơ bản trong sản xuất hàng hoá giản đơn..



d. Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá

Thời gian lao động xã hội cần thiết

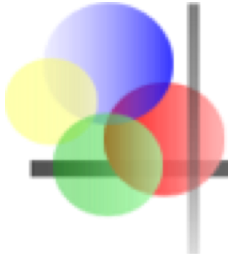


❖ Thời gian lao động xã hội cần thiết

- Là thời gian lao động cần thiết sản xuất ra 1 đơn vị hàng hoá trong **điều kiện trung bình chung của xã hội** (với mặt bằng **trang thiết bị** trung bình, với **trình độ** thành thạo trung bình, với **cường độ** lao động trung bình, **điều kiện làm việc** trung bình...).
- Gần với thời gian lao động cá biệt của người sản xuất cung cấp đại bộ phận hàng hoá cho thị trường.



Những yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá



(1) Năng suất lao động

- Đo bằng số sản phẩm/ 1 đơn vị thời gian hoặc số thời gian sản xuất/ 1 sản phẩm.
- Phản ánh năng lực sản xuất của ngành, của nền kinh tế.
- Quan hệ tỷ lệ nghịch với lượng giá trị của 1 đơn vị hàng hoá.

* Cường độ lao động

Là mức độ hao phí sức lao động trong một đơn vị thời gian.

- Quan hệ tỷ lệ thuận với lượng giá trị của tổng số hàng hoá tạo ra trong 1 đơn vị thời gian.
- Không làm thay đổi lượng giá trị của 1 đơn vị hàng hoá.

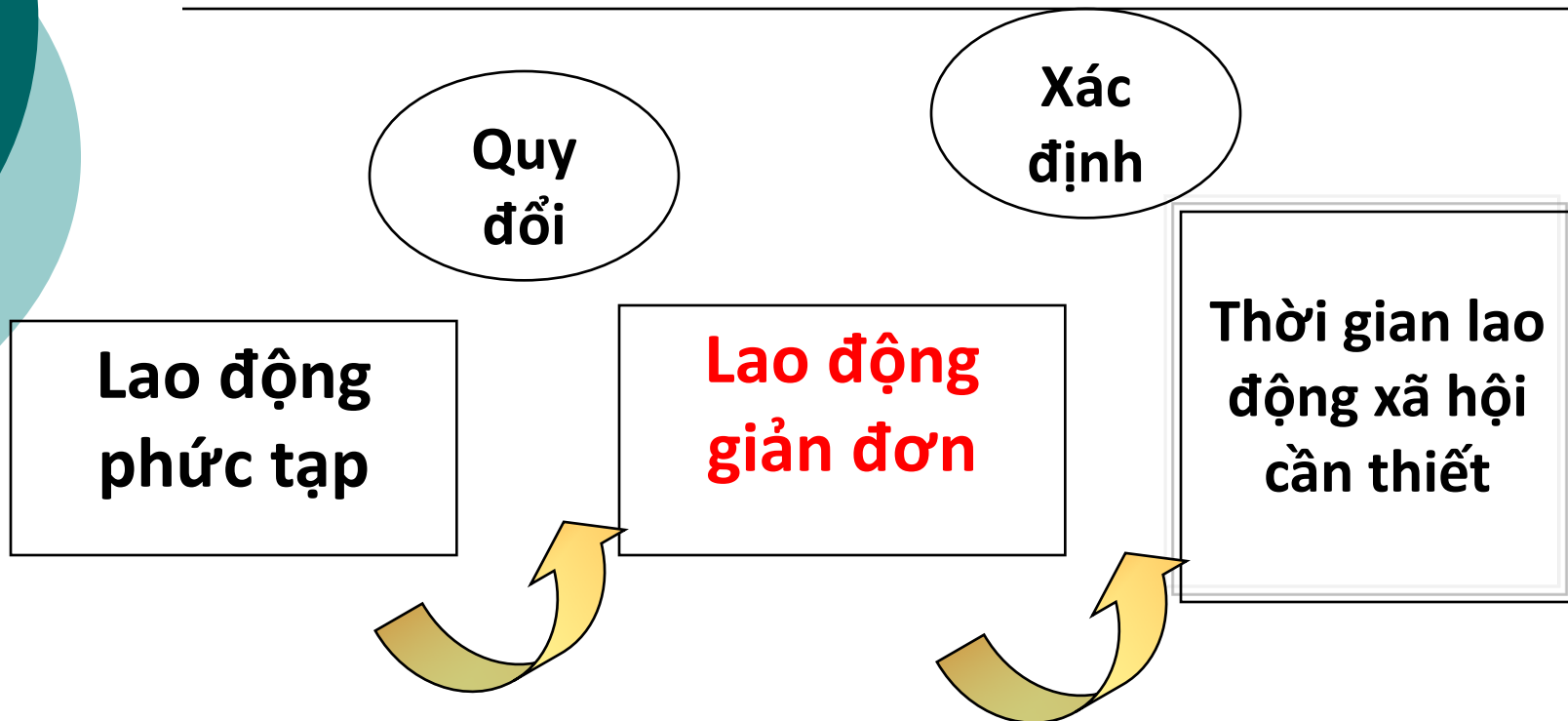


Kéo dài ngày làm việc

(2) Lao động phức tạp/ lao động giản đơn

- ❖ Lao động giản đơn: là lao động mà bất kỳ người nào cũng có thể làm được, không phải trải qua đào tạo.
- ❖ Lao động phức tạp: là lao động phải trải qua huấn luyện, đào tạo mới có thể tiến hành được.

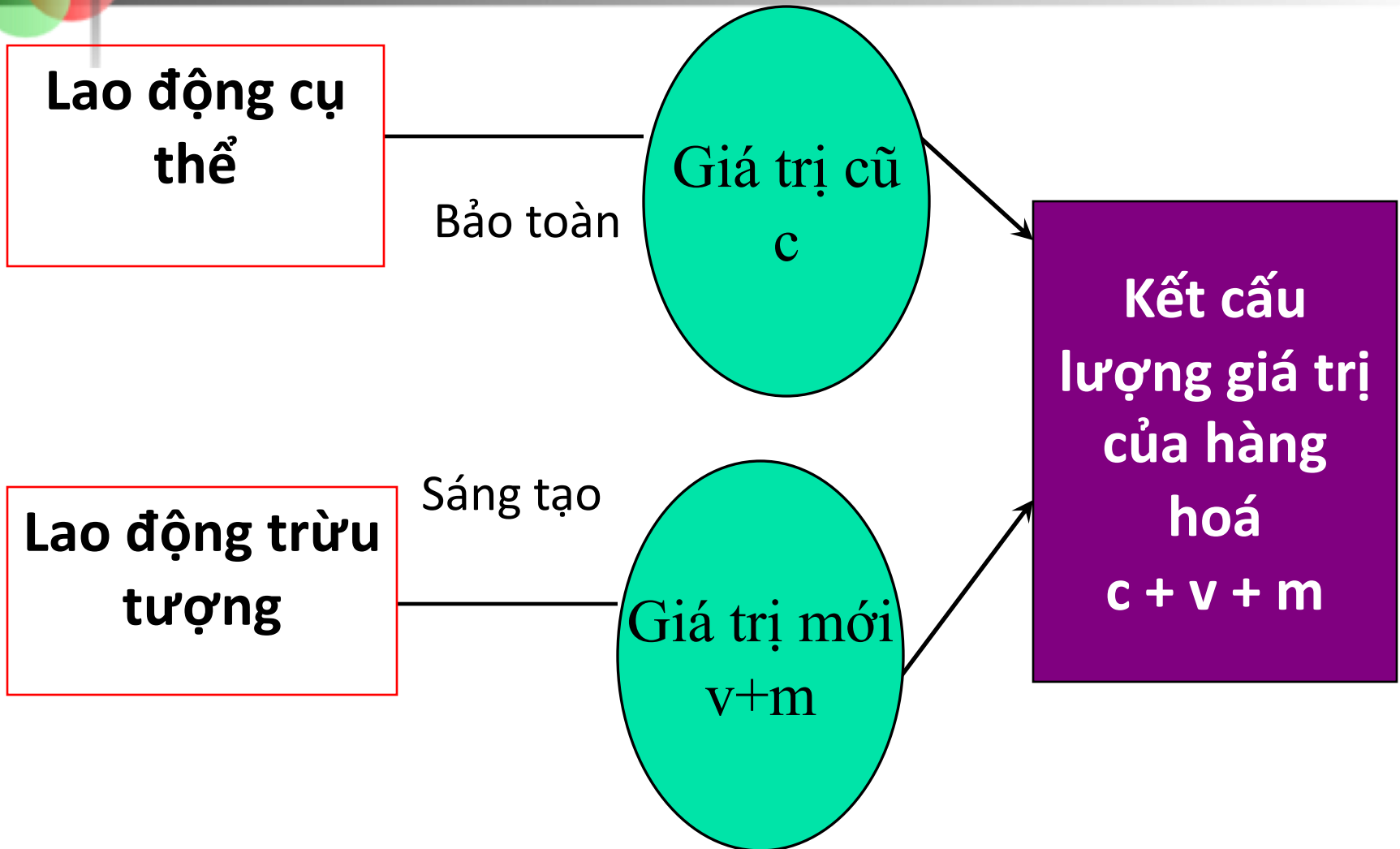




❖ Kết luận 4

Giá trị của hàng hoá được đo bằng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết giản đơn, trung bình. (B)

Kết cấu lượng giá trị của hàng hoá



3. TIỀN TỆ

a. Nguồn gốc và bản chất của tiền

Hình thái
tiền tệ



Hình thái
chung của
giá trị



Hình thái
mở rộng



Hình thái giản
đơn của giá trị

50kg khoai = 0.0025gr vàng
15 cái rìu =
1 con ngựa =

5kg khoai = 1Kg gạo
1 cái rìu =
....

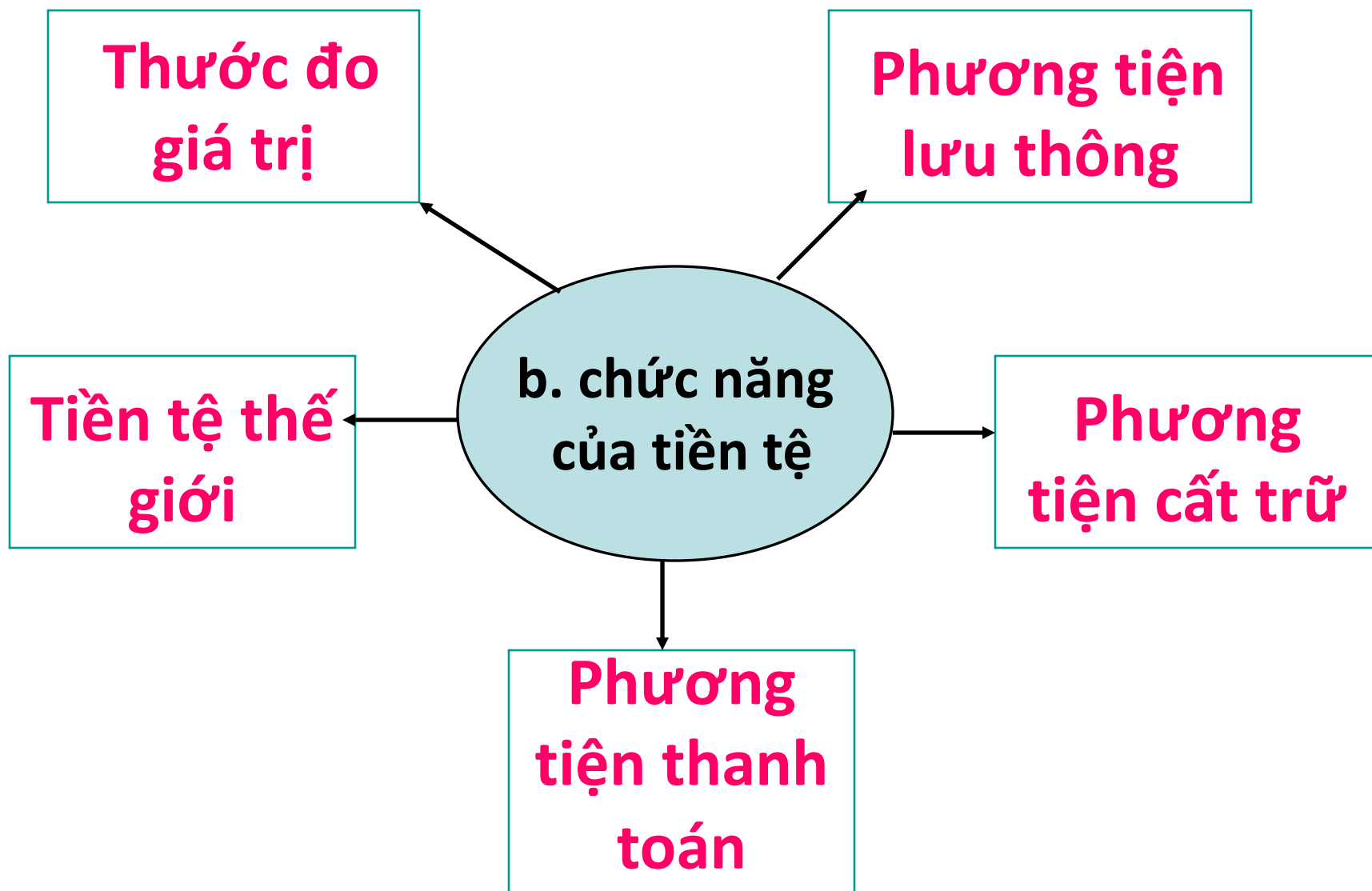
5kg gạo = 1 con gà
= 1 cái rìu
...

5kg gạo = 1 con gà



❖ Kết luận

- Tiền tệ ra đời là kết quả phát triển lâu dài của sản xuất và trao đổi hàng hoá.
- Là một hàng hoá đặc biệt đóng vai trò vật ngang giá chung phổ biến, làm thước đo giá trị của tất cả các hàng hoá khác.
- Tiền tệ ra đời chia thế giới hàng hoá thành 2 loại: 1 loại hàng hoá thông thường, 1 loại hàng hoá đóng vai trò tiền tệ.
- Tiền tệ thể hiện lao động xã hội, biểu hiện QHSX giữa những người sản xuất hàng hoá.



Thước đo
giá trị

- Tiền làm thước đo giá trị của tất cả các hàng hoá.
- Không cần tiền thực tế, chỉ cần tiền tưởng tượng.
- Giá trị hàng hoá biểu hiện bằng tiền gọi là giá cả

Phương tiện
lưu thông

- Đòi hỏi phải dùng tiền mặt.
- Tiền làm môi giới cho quá trình trao đổi hàng hoá
- Chứa đựng khủng hoảng khi tiền thực hiện chức năng này

Phương tiện
cất trữ

- Đòi hỏi tiền phải đủ giá trị (vàng, bạc).
- Tiền được rút khỏi lưu thông, được tung vào lưu thông khi cần thiết

Phương tiện
thanh toán

- Khi xuất hiện hình thái mua bán chịu.
- Xuất hiện loại tiền tín dụng
- Khả năng khủng hoảng tăng.

Tiền tệ thế giới →

- Đòi hỏi phải là tiền vàng, ngoại tệ mạnh có giá trị ổn định, có sức chuyển đổi cao
- Xuất hiện khi trao đổi H mở rộng bên ngoài biên giới quốc gia



4. Dịch vụ và một số hàng hoá đặc biệt

a. Dịch vụ:

- Hàng hoá vô hình
- Sản xuất và tiêu thụ diễn ra đồng thời
- Giá trị sử dụng không phục vụ trực tiếp người cung ứng DV
- Giá trị: phải hao phí sức lao động để cung ứng dịch vụ

4. Dịch vụ và một số hàng hoá đặc biệt (t.t)

b. Một số hàng hoá đặc biệt:

✓ **Đặc điểm:**

- Có giá trị sử dụng
- Có giá cả, có thể trao đổi mua bán
- Không do hao phí lao động trực tiếp tạo ra

✓ **Các loại hàng hoá đặc biệt:**

- Quyền sử dụng đất
- Thương hiệu
- Chứng khoán, chứng quyền và giấy tờ có giá



II. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

1. Thị trường

a. Khái niệm và vai trò thị trường

Thị trường

- Nghĩa hẹp: nơi diễn ra hành vi trao đổi, mua bán giữa các chủ thể kinh tế với nhau
- Nghĩa rộng: là tổng hoà các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán hàng hoá

Phân loại thị trường

Thị trường
TLSX, Thị trường
TLTD

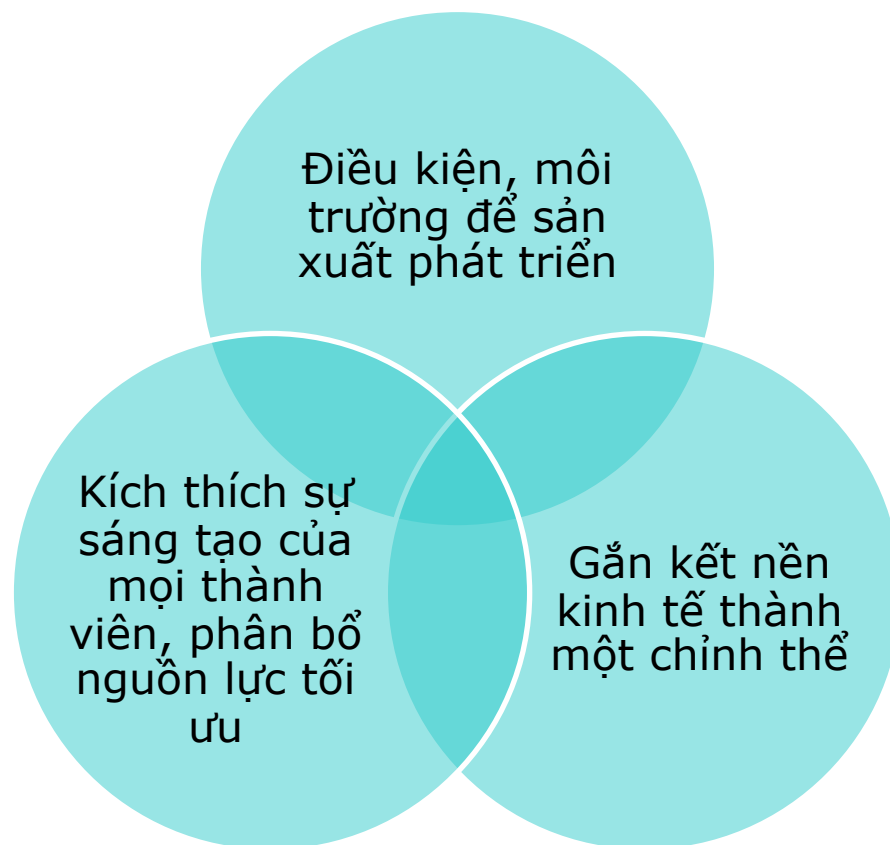
Thị trường
trong nước, thị trường
thế giới

Thị trường
yếu tố đầu vào, thị trường
hàng hoá đầu ra

Thị trường
theo chủng
loại HH

Thị trường tự do, thị trường có điều tiết, thị trường CTHH, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo

Vai trò của thị trường





b. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường

- Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh các cân đối của nền kinh tế theo các quy luật kinh tế.
- Giá cả hình thành tự do, người bán, người mua thông qua thị trường để xác định giá cả của HH, DV.



Nền kinh tế thị trường

- Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường
- Nền kinh tế hàng hoá phát triển ở trình độ cao
- Các quan hệ sản xuất, trao đổi được diễn ra trên thị trường, chịu sự tác động của thị trường
- Là sản phẩm của văn minh nhân loại

Đặc trưng của nền kinh tế thị trường



Nhiều hình thức sở hữu, thành phần kinh tế

Thị trường đóng vai trò quyết định trong phân bổ nguồn lực

Giá cả được hình thành theo nguyên tắc thị trường

Động lực trực tiếp của chủ thể sản xuất kinh doanh là lợi ích KT-XH

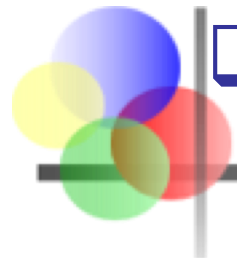
Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và sửa chữa thất bại thị trường

Nền kinh tế mở, thị trường trong nước gắn với thị trường thế giới



Quy luật giá trị

- ❑ **Vị trí :** là quy luật kinh tế căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá
- ❑ **Nội dung, yêu cầu**
 - ❖ **Yêu cầu:** việc sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở **hao phí lao động xã hội cần thiết**
 - **Trong sản xuất:** hao phí lao động cá biệt \leq hao phí lao động xã hội cần thiết
 - **Trong lưu thông:** trao đổi phải ngang giá.



□ Nội dung, yêu cầu

❖ Cơ chế hoạt động của quy luật giá trị: thông qua sự biến động của giá cả trên thị trường.

- Giá cả hàng hoá: là sự biểu hiện bằng tiền giá trị của hàng hoá.

❖ Các nhân tố tác động đến giá cả của hàng hóa

Giá trị
của HH

Sức mua của
đồng tiền

Giá cả
hàng hóa



Cạnh tranh

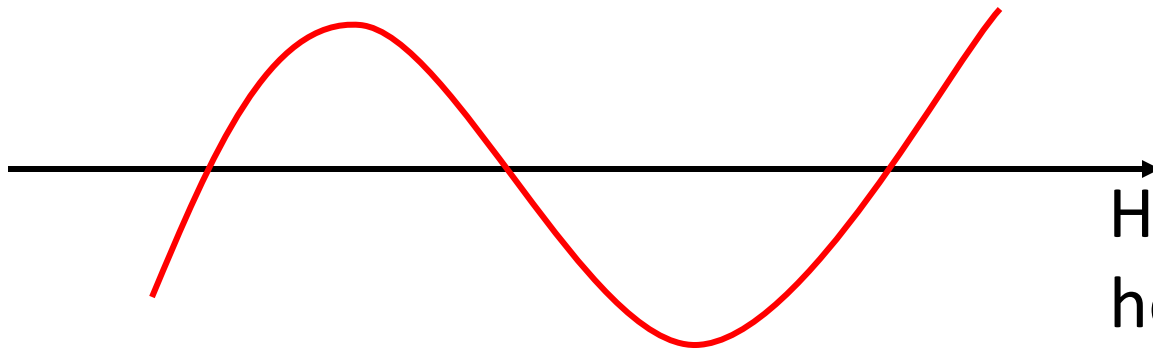


Cung – cầu

❖ Cơ chế hoạt động của quy luật giá trị

Giá cả > Giá trị

Giá cả



Hao phí lao động xã
hội cần thiết (giá trị)

Giá cả < Giá trị

Tác động của quy luật giá trị

```
graph TD; A[Tác động của quy luật giá trị] --> B[Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá thông qua sự biến động của giá cả]; A --> C[Kích thích cải tiến kỹ thuật và sự phát triển của LLSX]; A --> D[Phân hoá người sản xuất thành kẻ giàu- người nghèo];
```

Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá thông qua sự biến động của giá cả

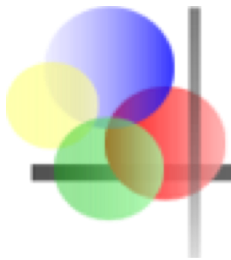
Kích thích cải tiến kỹ thuật và sự phát triển của LLSX

Phân hoá người sản xuất thành kẻ giàu- người nghèo



(1) Điều tiết sản xuất, lưu thông hàng hoá

- ❖ **Điều tiết sản xuất:** là điều hoà, phân bổ các yếu tố sản xuất giữa các ngành, các lĩnh vực
 - Ngành 1: $S < D \rightarrow$ giá cả $>$ giá trị : có lãi \rightarrow mở rộng quy mô sx, thu hút TLSX và SLĐ từ các ngành khác sang.
 - Ngành 2: $S > D \rightarrow$ giá cả $<$ giá trị: lỗ \rightarrow thu hẹp quy mô sản xuất, chuyển sang ngành có lãi cao.
- ❖ **Điều tiết lưu thông:** thu hút hàng từ nơi có giá cả thấp đến nơi có giá cả cao và ngược lại.



(2) Kích thích cải tiến kỹ thuật, LLSX↑

- Để có lãi nhà sản xuất phải có :

Hao phí lao động cá biệt < hao phí lao động xã hội cần thiết

→ Buộc phải cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, cải tiến tổ chức quản lý để hạ thấp hao phí lao động cá biệt → LLSX phát triển.



(3) Phân hoá người sản xuất

- Nhà sản xuất có: Hao phí lao động cá biệt < hao phí lao động xã hội cần thiết → có lãi, giàu có.
- Nhà sản xuất có: Hao phí lao động cá biệt > hao phí lao động xã hội cần thiết → lỗ , phá sản , đi làm thuê.

Quy luật cung - cầu

- Là quy luật điều tiết quan hệ giữa cung (bên bán) và cầu (bên mua).
- Nội dung: cung - cầu có mối quan hệ hữu cơ, tác động lẫn nhau, ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả.
- Tác dụng:
 - Điều tiết quan hệ giữa sản xuất- lưu thông hàng hoá
 - Biến đổi cơ cấu, dung lượng thị trường
 - Quyết định giá cả thị trường
 - Dự đoán được xu thế biến động của giá cả

Quy luật lưu thông tiền tệ

(1) Quy luật chung của lưu thông tiền tệ

$$M = \frac{P.Q}{V}$$

M: số lượng tiền cần thiết trong lưu thông

P: giá cả của đơn vị hàng hoá

Q: khối lượng HH và DV đưa vào lưu thông

V: số vòng lưu thông của đơn vị tiền tệ

(2) Quy luật lưu thông tiền tệ (khi tiền làm phương tiện lưu thông & phương tiện thanh toán)

$$M = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng giá cả} \\ \text{HH, DV} \\ \text{đem lưu thông} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Tổng giá cả} - \\ \text{HH, DV} \\ \text{bán chịu} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng giá cả} + \\ \text{HH, DV} \\ \text{khấu trừ nhau} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng giá cả} \\ \text{HH, DV đến} \\ \text{kỳ thanh toán} \end{array}}$$

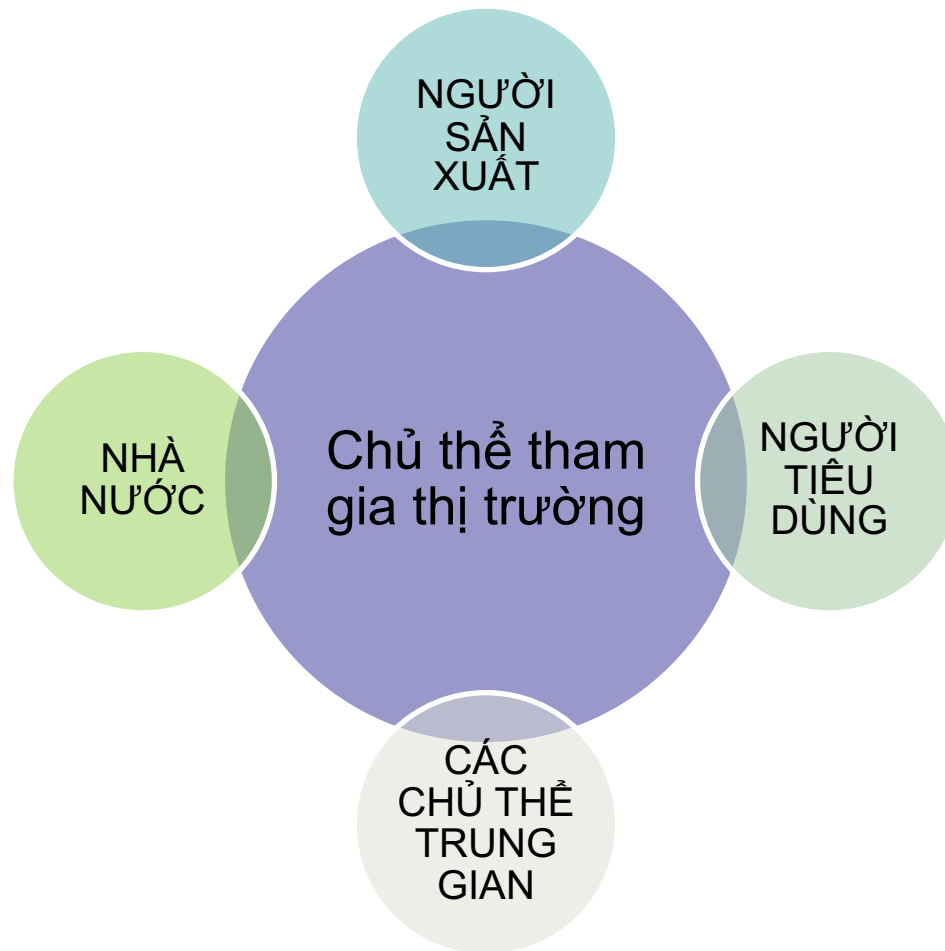
- Số vòng lưu thông của đơn vị tiền tệ



Quy luật cạnh tranh

- Quy luật cạnh tranh là quy luật kinh tế điều tiết một cách khách quan các mối quan hệ ganh đua kinh tế giữa các chủ thể trong sản xuất và trao đổi hàng hoá.
- Phân loại: cạnh tranh nội bộ ngành, cạnh tranh giữa các ngành
- Tác động của cạnh tranh
 - Tác động tích cực
 - Tác động tiêu cực

2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường



Người sản xuất

- Nhà sản xuất, đầu tư, kinh doanh HH,DV
- Mục tiêu: tìm kiếm lợi nhuận
- Trách nhiệm xã hội của nhà sản xuất

Người tiêu dùng

- Người mua HH, DV trên thị trường thoả mãn nhu cầu tiêu dùng
- Vai trò:
 - Động lực của sản xuất
 - Định hướng sản xuất
- Trách nhiệm xã hội của người tiêu dùng

Các chủ thể trung gian trong thị trường

- Sự tách biệt tương đối sản xuất- trao đổi
- Vai trò:
 - Tăng cơ hội thực hiện giá trị hàng hoá
 - Tăng kết nối giữa sản xuất- tiêu dùng
 - Nền kinh tế trở nên sống động, linh hoạt hơn
- Trung gian môi giới chứng khoán, trung gian môi giới nhà đất, trung gian môi giới KHCCN...

Nhà nước

Quản lý
nhà nước
về kinh tế

- Tạo lập môi trường kinh tế thông thoáng
- Xoá bỏ các rào cản

Khắc phục
thất bại thị
trường

- Các công cụ kinh tế can thiệp
- Chính sách pháp luật